TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ LỘC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Lâm;

Bà Trần Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thủy, là Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018, về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1980;

Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án chị Phạm Thị T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Đức H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 4 năm 2008 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng từ khi kết hôn xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã và bị chồng đánh đập.

Trong thời gian một năm trở lại đây, chị bị anh H đối xử tồi tệ hơn trước. Chị không chịu đựng được đã chuyển về sống với bố mẹ đẻ ở xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình. Xét thấy, vợ chồng không thể chung sống cùng nhau, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Đức H trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị T về việc kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 7 năm 2017 chị T đi làm công nhân, anh thấy chị T có những biểu hiện thay đổi rõ rệt về tính cách, cách ăn mặc, từ đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm ngày càng rạn nứt làm tổn thương nhau, nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con, con đầu tên là Nguyễn Thị N, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2008; con thứ hai tên là Nguyễn Đức B, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2010, hiện tại con gái đầu đang ở với mẹ, con trai thứ hai đang ở với bố. Khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con gái đầu cho chị nuôi dưỡng, còn con trai thứ hai giao cho anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T và anh H không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất là không có.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; về nuôi con chung, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con gái Nguyễn Thị N cho chị T nuôi dưỡng, giao con trai Nguyễn Đức B cho anh H nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn là chị T, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Bị đơn là anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L ngày 17 tháng 4 năm 2008, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị T yêu cầu ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh H không tham gia phiên hòa giải. Vợ chồng do không hiểu nhau nên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy, vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị T ly hôn anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Giữa hai người có hai con chung, con đầu tên là Nguyễn Thị N, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2008 và con thứ hai Nguyễn Đức B, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2010. Chị T đề nghị Tòa án giao con đầu cho chị nuôi dưỡng, con thứ hai giao cho anh H nuôi dưỡng, lời khai của anh H là không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung. Hiện tại, cháu N đang sống với chị T, nguyện vọng của cháu N là muốn được ở với mẹ. Cháu B đang sống với anh H, nguyện vọng của cháu B là muốn được ở với bố. Xem xét quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cháu N giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu B giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, vắng mặt chị T và anh H, căn cứ vào lời khai có trong hồ sơ vụ án của chị T và anh H đều không đề cập đến việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh H thống nhất là không có nên không đề cập đến việc giải quyết về tài sản.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2008 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Đức B, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2010 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000890 ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã Mỹ Tân, huyện Mỹ Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường